

Số: /GPMT- UBND Sa Thầy, ngày tháng năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN SA THẦY

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét đề nghị của Doanh nghiệp tư nhân Trí Linh tại Văn bản số 01/CV-DN ngày 18 tháng 3 năm 2024, Văn bản số 03/CV-DN ngày 02 tháng 08 năm 2024, Văn bản số 04/CV-DN ngày 19 tháng 9 năm 2024 của Doanh nghiệp tư nhân Trí Linh về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường và hoàn thiện hồ sơ cấp giấy phép môi trường cho Cửa hàng xăng dầu Trí Linh Sa Thầy 02 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 374/TTr-PTNMT ngày 20 tháng 9 năm 2024; xét Biên bản làm việc số 01/BB-TKT ngày 11 tháng 7 năm 2024 của Tổ kiểm tra⁽¹⁾.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Doanh nghiệp tư nhân Trí Linh, địa chỉ tại làng Kđin, xã Mô Rai, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Cửa hàng xăng dầu Trí Linh Sa Thầy 02 tại Quốc lộ 14C, thôn Ia Tri, xã Mô Rai, huyện Sa Thầy với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở

1.1. Tên cơ sở: Cửa hàng xăng dầu Trí Linh Sa Thầy 02.

1.2. Địa điểm hoạt động: Quốc lộ 14C, thôn Ia Tri, xã Mô Rai, huyện Sa Thầy.

1.3. Giấy đăng ký kinh doanh: Số 6100804799 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum cấp lần đầu ngày 16 tháng 7 năm 2010, đăng ký thay đổi lần 01 ngày 05 tháng 12 năm 2023.

¹: Được thành lập tại Quyết định số 1316/QĐ-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện.

1.4. Mã số thuế: 6100804799.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Kinh doanh xăng dầu.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Cửa hàng xăng dầu Trí Linh Sa Thầy 02 thuộc danh mục dự án nhóm C được phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công, được quy định tại Mục II.2 Phụ lục V Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

- Diện tích đất sử dụng: tổng diện tích 2.531 m² tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS00054 ngày 06 tháng 11 năm 2017 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 06 tháng 11 năm 2017.

- Tổng diện tích xây dựng là: Cửa hàng xăng dầu Trí Linh 2 được phép xây dựng với tổng diện tích là: 123,26 m² theo Giấy phép xây dựng số 67/GPXD ngày 13 tháng 12 năm 2017 do Sở Xây dựng cấp ngày 13 tháng 12 năm 2017.

- Tổng vốn đầu tư dự án là: 6.674.345.000 đồng (*Sáu tỷ, sáu trăm bảy mươi bốn triệu, ba trăm bốn mươi lăm ngàn đồng*).

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này (nếu có).

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức/cá nhân được cấp Giấy phép môi trường:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Doanh nghiệp tư nhân Trí Linh có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc

xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm kể từ ngày ban hành Quyết định này.

Điều 4. Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân xã Mô Rai theo chức năng, nhiệm vụ chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án, cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Như điều 4 (T/hiện);
- Chủ tịch, PCT UBND huyện;
- Văn phòng HĐND - UBND huyện;
- Phòng Kinh tế và Hạ tầng;
- Trang Thông tin điện tử của huyện;
- Lưu VT-LT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Rơ Châm Lan

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 1: Nước thải sinh hoạt của khách và nhân viên trong cơ sở.
- Nguồn số 2: Nước vệ sinh nền bãi nhiễm dầu.
- Nguồn số 3: Nước mưa chảy tràn trên khu vực nền bãi có nhiễm dầu.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

- Dòng số 1: Nước thải sinh hoạt sau xử lý tại hầm tự hoại cho tự thấm ra đất.
- Dòng số 2: Nước thải vệ sinh nền bãi nhiễm dầu.
- Dòng số 3: Nước mưa chảy tràn trên khu vực nền bãi có nhiễm dầu.

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Hệ thống thoát nước chung của cửa hàng và hệ thống thoát nước đường giao thông.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Trong khuôn viên của cửa hàng, cụ thể như sau:
 - + Vị trí 1: Nước thải có lẫn dầu. Tọa độ X: 1590296, Y: 0504958.
 - + Vị trí 2: Nước thải sinh hoạt. Tọa độ X: 1590297, Y: 0504977.
 - + Vị Trí 3: Nước mưa chảy tràn. Tọa độ X:1590269, Y: 0504968.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất:

- Nước mưa chảy tràn: 1,0 m³/ngày đêm.
- Nước thải sinh hoạt của khách và nhân viên trong cơ sở: 1,0 m³/ngày đêm.
- Nước thải nhiễm dầu: 0,1 m³/ngày đêm.

2.3.1. Phương thức xả nước thải

- Nước thải có lẫn dầu: Sau khi xử lý tại hố gạn dầu sẽ cho thoát ra và thấm vào mặt đất.
- Nước thải sinh hoạt: Được xử lý tại hầm tự hoại và thấm vào đất.
- Nước mưa chảy tràn: Thu gom về hệ thống thoát nước của cửa hàng và thấm vào đất.

2.3.2. *Chế độ xả nước thải*: Chế độ xả thải gián đoạn, không liên tục, tùy thuộc vào thời tiết, tần suất sinh hoạt của nhân viên, khách hàng.

2.3.3. *Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải (ghi tên quy chuẩn áp dụng), cụ thể như sau:*

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép (Theo QCVN 29:2010/BTNMT)	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục (nếu có)
1	pH		5,5 - 9	Không có	Không có
2	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	Mg/l	150	Không có	Không có
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	Mg/l	120	Không có	Không có
4	Dầu mỡ khoáng	Mg/l	30	Không có	Không có

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục (nếu có):

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

a) Công trình thu gom nước thải

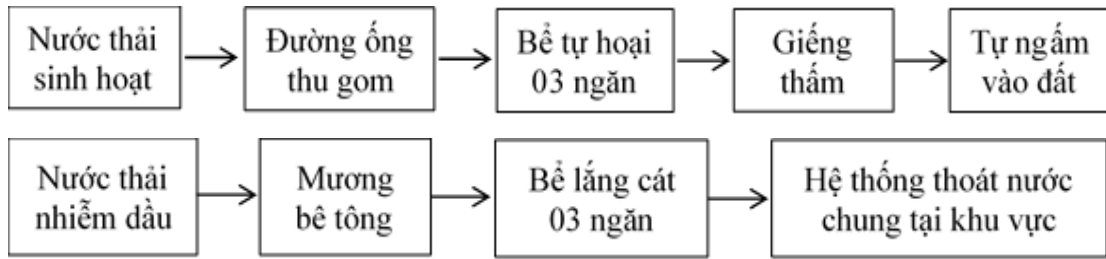
- Nước thải của cơ sở phát sinh chủ yếu từ các khu vệ sinh công cộng và nước thải nhiễm dầu khi sự cố tràn dầu xảy ra.

+ Nước thải từ các lavabo được thu gom bằng đường ống nhựa PVC D60 dẫn vào hố ga bể tự hoại để lắng cặn trước khi dẫn qua giếng thấm tự ngấm vào môi trường đất; nước thải vệ sinh cá nhân từ nhà vệ sinh được thu gom bằng đường ống nhựa PVC D114 dẫn vào bể tự hoại 03 ngăn (thể tích 4m³) để xử lý.

+ Nước thải nhiễm dầu theo rãnh môi trường được thu gom về hố gạn dầu. Nước thải sau khi qua bể lắng cát được dẫn bằng đường ống nhựa PVC D90 xả ra hệ thống thoát nước chung tại khu vực.

b) Công trình thoát nước thải: Nước thải sinh hoạt sau xử lý tại hầm tự hoại sẽ cho tự thấm; nước thải nhiễm dầu sau khi được tách dầu sẽ cho thoát ra hệ thống thoát nước chung của khu vực trên đường tỉnh lộ 14C.

c) *Điểm xả nước thải sau xử lý:* Nước thải sinh hoạt sau xử lý sẽ cho tự thấm, nước thải nhiễm dầu sau xử lý sẽ cho thoát ra hệ thống thoát nước chung của khu vực.



Hình 1. Sơ đồ thu gom và thoát nước thải tại cơ sở

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải (*trường hợp có từ 02 công trình, thiết bị trở lên, các công trình, thiết bị tiếp theo được mô tả tương tự công trình, thiết bị thứ nhất*):

a) *Tóm tắt quy trình công nghệ*

- Xử lý nước thải:

+ Nước thải sinh hoạt phát sinh chủ yếu từ hoạt động của nhân viên và khách đến đỗ xăng; tuy nhiên, phát sinh rất ít, chỉ khoảng 1.000 lít/ngày, tương đương với lượng nước thải của hộ gia đình. Do đó, lượng nước thải này sẽ được xử lý bằng công trình xử lý tại chỗ là hầm tự hoại.

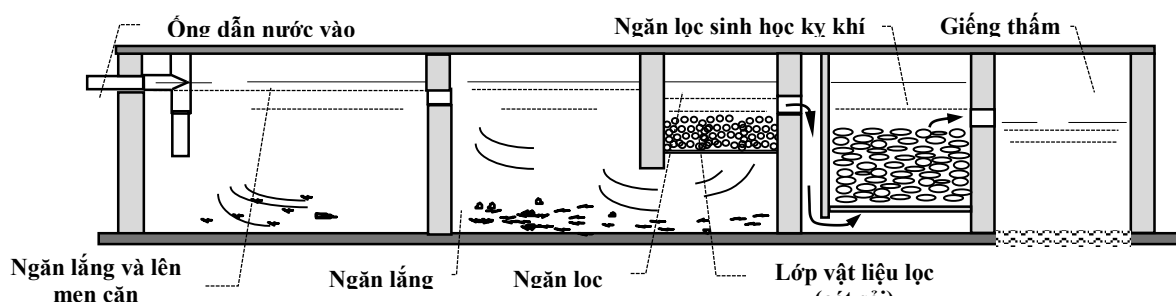
+ Nước thải nhiễm dầu trong trường hợp gặp sự cố tràn dầu sẽ được thu gom và xử lý tại Hồ gạn dầu; tuy nhiên, trường hợp bị sự cố là rất hiếm xảy ra.

b) *Công suất thiết kế:*

- Hầm tự hoại:

+ Cơ sở đã xây dựng hầm tự hoại với kích thước: $D \times R \times C = 2,2 \times 1,9 \times 1,6$ (m). Nước thải từ nhà vệ sinh, hố xí sẽ được dẫn về hầm tự hoại.

+ Hầm tự hoại thực hiện đồng thời hai chức năng là lắng và phân hủy cặn lắng; ngăn đầu tiên có chức năng tách cặn ra khỏi nước thải, các chất hữu cơ được lên men phân hủy yếm khí và lắng cặn xuống đáy, cặn lắng được giữ lại trong bể từ 3 - 6 tháng. Phần nước được dẫn vào ngăn thứ hai để tiếp tục lắng các chất hữu cơ còn lại và cặn lơ lửng, nhờ hoạt động của vi sinh vật kỵ khí, các chất hữu cơ trong nước bị phân huỷ tạo ra các chất khí và các chất vô cơ hoà tan, làm sạch các chất hữu cơ trong nước. Sau đó nước được dẫn qua ngăn thứ 3 để lọc toàn bộ cặn lơ lửng còn lại trong nước, nước thải sau khi lọc được dẫn qua hố ga vào giếng thấm và tự ngấm vào môi trường đất.

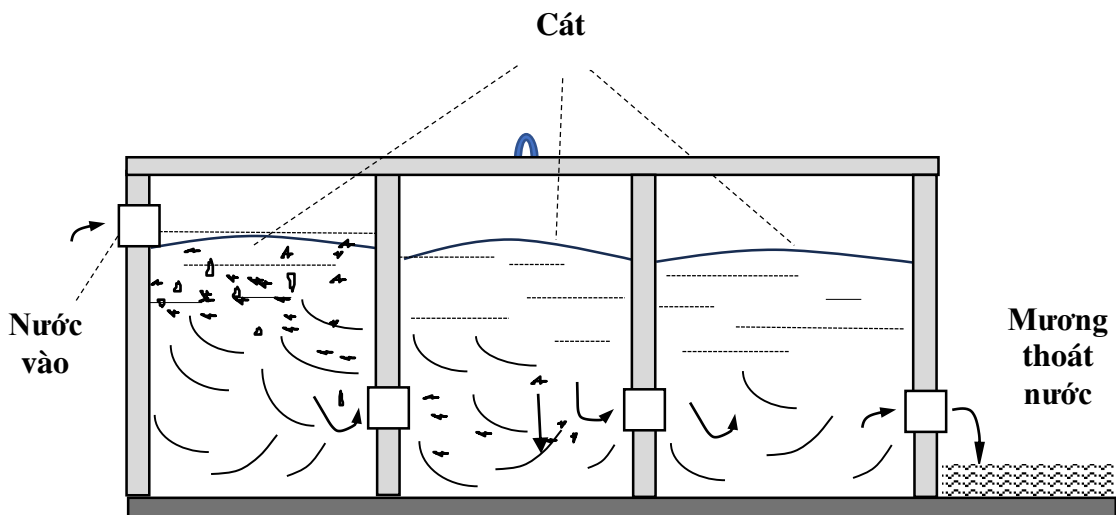


Hình 2. Mô hình cấu tạo hầm tự hoại

- Hồ gạn dầu:

+ Nước thải nhiễm dầu được thu gom vào bể lắng cát (dài 1m, rộng 1m, sâu 1m) chia làm 03 ngăn chứa cát. Nước thải đi qua lần lượt các ngăn chứa cát để tách sạch hoàn toàn dầu, sau đó được dẫn thoát ra mương thoát nước chung tại khu vực nằm trên Quốc lộ. Lượng bùn cát nhiễm dầu trong bể định kỳ nạo vét xử lý theo quy định.

+ Quy trình xử lý nước thải nhiễm dầu của bể tách dầu:



Hình 3. Sơ đồ công nghệ bể tách dầu

c) Hóa chất, vật liệu sử dụng (hoặc các hóa chất tương đương không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục A Phụ lục này): Không có.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm: Không phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải sau khi được cấp Giấy phép môi trường theo quy định tại khoản 4 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, vận hành hệ thống xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở đạt yêu cầu về chất lượng nước thải quy định tại Phần A của Phụ lục này.

3.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác (nếu có)

- Đấu nối và vận hành mạng lưới thu gom, thoát nước mưa, nước thải đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và các quy định về bảo vệ môi trường trong

quá trình vận hành Cơ sở.

- Chủ cơ sở chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Phần A của Phụ lục này và phải ngừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục; xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường

- Bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất đảm bảo vận hành thường xuyên, hiệu quả hệ thống công trình thu gom, xử lý nước thải.

Phụ lục 2

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung (*nêu từng nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung tại dự án, cơ sở: Dây chuyền, máy móc thiết bị sản xuất*): Khu vực máy phát điện.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung (*nêu rõ vị trí tọa độ theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực..., múi chiếu....*): Trong khuôn viên cửa hàng xăng dầu: Tọa độ X:1590269, Y: 0504970

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung (*ghi tên quy chuẩn áp dụng*), cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	55	45	01 lần/năm	<i>Khu vực đặc biệt</i>
2	70	55	01 lần/năm	<i>Khu vực thông thường</i>

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ		
1	60	55	01 lần/năm	<i>Khu vực đặc biệt</i>
2	70	60	01 lần/năm	<i>Khu vực thông thường</i>

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Lắp đặt, vận hành máy móc đúng quy trình quy phạm, thường xuyên kiểm tra bảo dưỡng máy móc thiết bị theo định kỳ để tránh hỏng hóc gây ra tiếng ồn bất thường nhằm giảm độ ồn.

- Trồng cây xung quanh nhà máy để hạn chế tiếng ồn ảnh hưởng ra khu vực xung quanh nhà máy và cải thiện được điều kiện khí hậu trong khu vực.

- Không hoạt động quá công suất thiết kế, lắp đặt máy móc thiết bị theo đúng thiết kế, kỹ thuật.

- Không hoạt động từ 22 giờ đêm đến 6 giờ sáng ngày hôm sau. Có kế hoạch làm việc cụ thể, bố trí các xe, thiết bị hoạt động luân phiên để tránh hiện tượng cộng hưởng tiếng ồn.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

Phụ lục 3

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên (*ghi rõ chủng loại, khối lượng phát sinh theo tháng hoặc theo năm*):

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng trung bình (kg/tháng)	Mã CTNH
1	Dầu nhiên liệu và dầu diesel thải	Lỏng	01	17 06 01
2	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (kể cả vật liệu lọc dầu), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	0,2	18 02 01
3	Pin, ắc quy thải	Rắn	0,1	19 06 01
4	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	0,8	17 02 03
5	Mực in thải	Rắn	0,2	19 02 06
6	Bình đựng dầu nguyên liệu thải	Rắn	0,3	19 02 05
Tổng số lượng			2,6	

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh (*ghi rõ chủng loại, khối lượng phát sinh theo tháng hoặc theo năm*): Không.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh (*ghi rõ khối lượng phát sinh theo tháng hoặc theo năm*):

- Chủng loại: Chất thải rắn sinh hoạt bao gồm giấy, bọc nylon, thực phẩm thừa, chai nhựa...

- Khối lượng: 03 kg/ngày.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa (*ghi rõ quy cách, cấu tạo, khối lượng có khả năng lưu chứa*):

Các loại chất thải nguy hại phát sinh tại cơ sở được thu gom, phân loại và lưu giữ trong các thùng chứa (*dung tích 120 lít, 200 lít*) có nắp đậy kín, được dán nhãn, ghi mã số đặt tại kho chứa chất thải nguy hại.

TT	Tên công trình, hệ thống, thiết bị	Công suất thiết kế	Số lượng
1	Thùng chứa	120 lít	01
2	Thùng chứa	200 lit	01

2.1.2. Kho/khu vực lưu chứa trong nhà (*trường hợp có từ 02 kho/khu vực lưu chứa trở lên, các kho lưu chứa tiếp theo được mô tả tương tự kho/khu vực lưu chứa thứ nhất*):

- Diện tích kho/khu vực lưu chứa trong nhà: 04m².

- Thiết kế, cấu tạo của kho/khu vực lưu chứa trong nhà: Kho được xây kín, không bị thấm thấu, tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; có mái che kín nắng, mưa cho toàn bộ khu vực lưu giữ chất thải; khu vực được trang bị đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường: Do cơ sở không phát sinh chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh nên không có các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa (*ghi rõ quy cách, cấu tạo, khối lượng có khả năng lưu chứa*): Gồm 02 thùng chứa rác 20 lít có nắp đậy

2.3.2. Kho/khu vực lưu chứa (*trường hợp có từ 02 kho/khu vực lưu chứa trở lên, các kho/khu vực lưu chứa tiếp theo được mô tả tương tự kho lưu chứa thứ nhất*): Rác thải sinh hoạt của cơ sở rất ít nên chủ yếu được để trong các thiết bị lưu chứa.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG (nếu có)

- Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó sự cố theo đúng quy định của pháp luật.

- Xây dựng, ban hành, tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ, phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại Điểm b Khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải đảm bảo có đầy đủ các nội dung theo quy định tại Khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

- Thực hiện trách nhiệm đối với công tác phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo đúng quy định của pháp luật.

Phụ lục 4**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG (nếu có): Không.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC (nếu có): Không.

C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

- Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT- BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Khu vực lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại phải luôn đảm bảo đáp ứng các quy định; định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

- Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn thực phẩm, an toàn giao thông, xây dựng, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

- Gửi Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

- Đền bù, khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố môi trường trong quá trình hoạt động của cơ sở theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Chủ dự án đầu tư có trách nhiệm chi trả kinh phí thực hiện quan trắc đối chứng trong quá trình vận hành dự án.

- Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp có văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại Văn bản mới.
